TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam ❸ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00872BTP3	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	10/03/2023 Page 01/04

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **HẠT NÊM TÔM THỊT VEDAN MOMMY**

2. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 21/02/2023

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/02/2023 - 01/03/2023

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**
VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page* 02-04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*
PHÓ GIÁM ĐỐC / *VICE DIRECTOR*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Nguyễn Anh Triết

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00872BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan / *Sensory test*	QTTN/KT3 234 : 2019		-	
• Trạng thái / *State*				Dạng hạt, khô, rời, không vón cục *Granule, dry, no curdle*
• Màu sắc / *Color*				Màu vàng nhạt *Yellowish color*
• Mùi vị / *Odor & taste*				Đặc trưng của sản phẩm *Characteristic of product*
7.2. Hàm lượng monosodium glutamate tính theo khối lượng, % *Monosodium glutamate content (m/m)*	QTTN/KT3 260:2020	-		9,35
7.3. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	QTTN/KT3 136 : 2016		-	0,94
7.4. Hàm lượng muối ăn (NaCl) tính theo khối lượng, % *Sodium chloride content (m/m)*	QTTN/KT3 190:2018 (Chuẩn độ điện thế)		-	50,6
7.5. pH dung dịch 10 % *pH of 10 % solution*	TCVN 12348:2018		-	6,93
7.6. Vật lạ / *Foreign matters*	QTTN/KT3 234 : 2019 (Quan sát bằng mắt / *Visual method)*		-	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng béo tính theo khối lượng, % *Fat content (m/m)*	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		-	0,14
7.8. Hàm lượng gluxit (carbohydrate) qui ra glucose tính theo khối lượng, % *Glucide (carbohydrate) content as glucose (m/m)*	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	40,4

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: [illegible] Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00872BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.9. Năng lượng / *Calories*	QTTN/KT3 024 : 2018		-	
• kcal/100 g				188
• kJ/100 g				787
7.10. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, % *Protein content (m/m)*	TCVN 8133 – 2 : 2011 Dumas method		-	6,39
7.11. Hàm lượng đường tổng theo glucose tính theo khối lượng, % *Total sugar content as glucose (m/m)*	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	31,7
7.12. Hàm lượng tro không tan trong HCl 10% tính theo khối lượng, % *Insoluble ash content in 10% HCl (m/m)*	QTTN/KT3 138 : 2016		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$ (1) *Less than*
7.14. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 083 : 2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 083 : 2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.16. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.17. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 +G1 + G2), µg/kg *Total aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007		0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.18. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007		0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.19. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg *Ochratoxin A content*	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00872BTP3	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	10/03/2023 Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.20. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Total aerobic plate count*	CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		$4,6 \times 10^3$
7.21. Coliform,	CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ *Less than*
7.22. *E. Coli*,	MPN/g	ISO16649 – 3 : 2015	-		0
7.23. *Staphylococcus aureus*,	CFU/g	AOAC 2019 (975.55)	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ *Less than*
7.24. Tổng số nấm men & nấm mốc, *Total yeasts & moulds*	CFU/g	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn $10^{(*)}$ *Less than*
7.25. *Salmonella* spp /25 g		ISO 6579-1:2017/ Amd.1: 2020	-		Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Note*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(1): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.